

Số: 1520/SXD-GB

Bà Rịa – Vũng Tàu, ngày 04 tháng 8 năm 2014

V/v hướng dẫn một số nội dung công tác
quản lý chất lượng và sử dụng VLXD
trong công trình xây dựng

Kính gửi:

- Các chủ đầu tư xây dựng công trình;
- Các ban quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;
- Các doanh nghiệp hoạt động xây dựng;
- Các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng.

Thực hiện chức năng tham mưu, giúp UBND tỉnh quản lý nhà nước về lĩnh vực vật liệu xây dựng; căn cứ các quy định hiện hành của Nhà nước về quản lý chất lượng công trình xây dựng, quản lý vật liệu xây dựng (VLXD), Sở Xây dựng hướng dẫn một số nội dung liên quan đến công tác quản lý chất lượng và sử dụng VLXD trong công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu như sau:

I. Một số quy định chủ yếu liên quan đến công tác quản lý vật liệu xây dựng

1. Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật ngày 29/6/2006;
2. Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21/11/2007;
3. Nghị định số 124/2007/NĐ-CP ngày 31/7/2007 của Chính phủ về quản lý vật liệu xây dựng;
4. Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01/8/2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật;
5. Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa;
6. Nghị định số 15/2013/NĐ-CP ngày 06/02/2013 của Chính phủ về quản lý chất lượng công trình;
7. Thông tư số 21/2007/TT-BKHCN ngày 28/9/2007 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn về xây dựng và áp dụng tiêu chuẩn;
8. Thông tư số 18/2009/TT-BXD ngày 15/10/2010 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định việc áp dụng quy chuẩn, tiêu chuẩn trong hoạt động xây dựng;
9. Thông tư số 21/2010/TT-BXD ngày 16/11/2010 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn chứng nhận hợp quy và công bố hợp quy đối với sản phẩm, hàng hóa VLXD;
10. Thông tư số 11/2011/TT-BXD ngày 30/8/2011 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về sản phẩm, hàng hóa VLXD – QCVN 16:2011/BXD;

11. Thông tư số 21/2011/TT-BKHCN ngày 22/9/2011 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về thép làm cốt bê tông;

12. Thông tư số 13/2013/TT-BXD ngày 30/8/2011 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 21/2011/TT-BKHCN, Thông tư số 10/2012/TT-BKHCN và Thông tư số 11/2012/TT-BKHCN của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ;

13. Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN ngày 12/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc ban hành Quy định chung về chứng nhận hợp chuẩn, chứng nhận hợp quy và công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy;

14. Thông tư số 10/2013/TT-BXD ngày 12/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng công trình xây dựng;

15. Quyết định số 561/QĐ-TTg ngày 28/4/2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình phát triển vật liệu xây không nung đến năm 2020;

16. Chỉ thị số 10/CT-TTg ngày 16/4/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường sử dụng vật liệu xây không nung và hạn chế sản xuất, sử dụng gạch đất sét nung;

17. Nghị định số 89/2006/NĐ-CP ngày 30/8/2006 của Chính phủ quy định về nhãn hàng hóa;

18. Thông tư số 09/2012/TT-BXD ngày 28/11/2012 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định sử dụng vật liệu xây không nung trong các công trình xây dựng;

19. Quyết định số 532/QĐ-UBND ngày 17/3/2014 của Chủ tịch UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu về việc phê duyệt quy hoạch phát triển vật liệu xây dựng tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đến năm 2010, tầm nhìn đến năm 2030;

20. Văn bản số 1975/UBND-VP ngày 29/3/2013 của UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu về việc triển khai thực hiện Thông tư số 09/2012/TT-BXD ngày 28/11/2012 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định sử dụng vật liệu xây không nung trong các công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

II. Quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa VLXD lưu thông trên thị trường và sử dụng trong công trình xây dựng

1. Quản lý chất lượng sản phẩm VLXD trong quá trình sản xuất

Theo quy định tại khoản 1, Điều 28 Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa, người sản xuất phải thực hiện các yêu cầu về quản lý chất lượng sản phẩm trong sản xuất như sau:

- Áp dụng hệ thống quản lý nhằm bảo đảm chất lượng sản phẩm do mình sản xuất phù hợp với tiêu chuẩn công bố áp dụng, quy chuẩn kỹ thuật tương ứng,

- Công bố tiêu chuẩn áp dụng và ghi nhãn theo quy định của pháp luật về nhãn hàng hóa;

- Lựa chọn chứng nhận hợp chuẩn, công bố hợp chuẩn đối với sản phẩm thuộc nhóm 1;

- Tuân thủ các quy chuẩn kỹ thuật liên quan đến quá trình sản xuất, chứng nhận hợp quy, công bố hợp quy đối với sản phẩm thuộc nhóm 2.

(Sản phẩm thuộc nhóm 2 được quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về sản phẩm, hàng hóa VLXD mã số QCVN 16:2011/BXD được ban hành kèm theo Thông tư số 11/2011/TT-BXD ngày 30/8/2011 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng; Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về thép làm cốt bê tông QCVN 7:2011/BKHCN được ban hành kèm theo Thông tư số 21/2011/TT-BKHCN ngày 22/9/2011 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ, được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 13/2013/TT-BKHCN ngày 12/4/2013 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ).

Các nội dung kiểm tra nhà nước về chất lượng sản phẩm VLXD trong sản xuất được quy định tại Điều 5 Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ.

2. Quản lý chất lượng hàng hóa VLXD xuất khẩu

Theo quy định tại Điều 32 Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa, người xuất khẩu hàng hóa phải thực hiện các yêu cầu về quản lý chất lượng hàng hóa như sau:

- Phải bảo đảm hàng hóa xuất khẩu phù hợp với quy định của nước nhập khẩu, hợp đồng hoặc điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế thừa nhận lẫn nhau về kết quả đánh giá sự phù hợp với nước, vùng lãnh thổ có liên quan;

- Áp dụng các quy chuẩn kỹ thuật tương ứng trong quá trình sản xuất hoặc tự xây dựng và áp dụng các hệ thống quản lý nhằm bảo đảm chất lượng sản phẩm do mình sản xuất;

Các nội dung kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa xuất khẩu được quy định tại Điều 10 Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ.

3. Quản lý chất lượng hàng hóa VLXD nhập khẩu

Theo quy định tại Điều 34 Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa:

- Hàng hóa nhập khẩu phải được công bố tiêu chuẩn áp dụng và ghi nhãn theo quy định của pháp luật về nhãn hàng hóa;

- Hàng hóa nhập khẩu thuộc nhóm 2 phải được chứng nhận hợp quy, công bố hợp quy theo quy chuẩn kỹ thuật tương ứng (QCVN 16:2011/BXD) liên quan đến quá trình sản xuất sản phẩm cuối cùng bởi tổ chức chứng nhận được Bộ Xây dựng chỉ định;

- Hàng hóa nhập khẩu thuộc nhóm 2 phải được kiểm tra chất lượng khi nhập khẩu;

∴ Các nội dung kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhập khẩu được quy định tại Điều 8 Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ.

4. Quản lý chất lượng hàng hóa VLXD lưu thông trên thị trường

Theo quy định tại Điều 38 Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa và Khoản 1, Điều 32 Nghị định số 124/2007/NĐ-CP ngày 31/7/2007 của Chính phủ, hàng hóa VLXD lưu thông trên thị trường phải được người kinh doanh thực hiện các yêu cầu về quản lý chất lượng sau đây:

- Tuân thủ các quy chuẩn kỹ thuật tương ứng trong quá trình lưu thông hàng hóa hoặc tự áp dụng các biện pháp kiểm soát chất lượng nhằm duy trì chất lượng của hàng hóa do mình bán. Sản phẩm VLXD phải đạt tiêu chuẩn đã công bố. Đối với sản

phẩm thuộc danh mục phải tuân theo quy chuẩn kỹ thuật QCVN 16:2011/BXD thì phải bảo đảm chất lượng theo quy chuẩn kỹ thuật;

- Phải có công bố tiêu chuẩn áp dụng của nhà sản xuất, nhà nhập khẩu; chịu trách nhiệm chất lượng sản phẩm, hàng hóa do mình kinh doanh; thực hiện các biện pháp xử lý theo quy định khi phát hiện sản phẩm, hàng hóa đang kinh doanh không đảm bảo chất lượng so với tiêu chuẩn công bố áp dụng của nhà sản xuất, nhà nhập khẩu, quy chuẩn kỹ thuật;

- Sản phẩm VLXD có nhãn và nhãn phải bảo đảm ghi đầy đủ nội dung theo quy định của Nghị định 89/2006/NĐ-CP ngày 30/8/2006 của Chính phủ và các quy chuẩn kỹ thuật tương ứng hoặc tiêu chuẩn kỹ thuật bắt buộc áp dụng khi chưa được chuyển thành các quy chuẩn kỹ thuật đối với sản phẩm VLXD;

- Chịu sự kiểm tra chất lượng hàng hóa theo quy định.

Các nội dung kiểm tra chất lượng hàng hóa lưu thông trên thị trường được quy định tại Điều 12 Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ và Thông tư số 26/2012/TT-BKHHCN ngày 12/12/2012 của Bộ Khoa học và Công nghệ.

5. Quản lý chất lượng hàng hóa VLXD sử dụng trong công trình xây dựng

- Theo quy định tại Điều 42 Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa và Điều 14 Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ:

+ Hàng hóa VLXD phải được sử dụng, vận chuyển, lưu giữ, bảo quản, bảo trì, bảo dưỡng theo hướng dẫn của người sản xuất. Người sử dụng, người sở hữu hàng hóa có trách nhiệm tuân thủ các điều kiện quy định nhằm bảo đảm chất lượng hàng hóa trong quá trình sử dụng;

+ Hàng hóa VLXD phải được kiểm định theo quy định trong quy chuẩn kỹ thuật tương ứng do cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền ban hành;

+ Hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa phải kiểm định trong quá trình sử dụng sau khi được cấp giấy chứng nhận kiểm định mới được phép đưa vào sử dụng.

+ Theo quy định tại Điều 7, Điều 24 Nghị định số 15/2013/NĐ-CP ngày 06/02/2013 của Chính phủ và Điều 6 Thông tư số 10/2013/TT-BXD ngày 25/7/2013 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng:

+ Chủ đầu tư tổ chức lập và phê duyệt chỉ dẫn kỹ thuật (bắt buộc đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I và cấp II), thể hiện rõ những yêu cầu kỹ thuật mà nhà thầu thi công xây dựng phải thực hiện; trong đó nêu rõ các yêu cầu kỹ thuật và quy trình kiểm tra đối với vật liệu được sử dụng, lắp đặt vào công trình, quy định về việc giám sát thi công xây dựng và nghiệm thu công trình xây dựng;

+ Kiểm tra vật liệu, cấu kiện, sản phẩm xây dựng, thiết bị lắp đặt vào công trình; thực hiện thí nghiệm kiểm tra chất lượng khi cần thiết;

Các nội dung kiểm tra chất lượng hàng hóa VLXD trong quá trình sử dụng trong công trình xây dựng được quy định tại Điều 16 Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ và Điều 17 Thông tư số 10/2013/TT-BXD ngày 25/7/2013 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

III Công bố tiêu chuẩn áp dụng

1. Yêu cầu

Tất cả sản phẩm, hàng hóa VLXD, kể cả VLXD thuộc danh mục QCVN 16:2011/BXD phải được người sản xuất, người nhập khẩu thực hiện công bố tiêu chuẩn áp dụng trước khi đưa ra thị trường theo quy định tại Điều 28 và Điều 34 Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

Theo quy định tại Điều 23 Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa, người sản xuất, người nhập khẩu tự công bố các đặc tính cơ bản, thông tin cảnh báo, số hiệu tiêu chuẩn trên hàng hóa hoặc một trong các phương tiện sau đây:

- Bao bì hàng hóa;
- Nhãn hàng hóa;
- Tài liệu kèm theo sản phẩm, hàng hóa.

Nội dung của tiêu chuẩn công bố áp dụng không được trái với yêu cầu của quy chuẩn kỹ thuật do cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền ban hành.

2. Nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân sau khi công bố tiêu chuẩn áp dụng

- Sản xuất, nhập khẩu sản phẩm, hàng hóa bảo đảm các điều kiện về chất lượng phù hợp với tiêu chuẩn công bố áp dụng trước khi đưa ra thị trường, theo quy định tại Điều 28 và Điều 34 Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa và chịu trách nhiệm về chất lượng sản phẩm do mình sản xuất, nhập khẩu;

- Ghi nhãn hàng hóa theo quy định tại Nghị định số 89/2006/NĐ-CP ngày 30/8/2006 của Chính phủ và trong tiêu chuẩn quốc gia về yêu cầu kỹ thuật đối với sản phẩm;

- Kịp thời ngừng sản xuất, nhập khẩu thông báo cho các bên liên quan và có biện pháp khắc phục hậu quả khi phát hiện sản phẩm, hàng hóa gây mất an toàn hoặc sản phẩm, hàng hóa không phù hợp với tiêu chuẩn công bố áp dụng, theo quy định tại Khoản 8, Điều 10 và Khoản 9, Điều 12 Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa;

- Thu hồi, xử lý sản phẩm, hàng hóa không bảo đảm chất lượng. Trong trường hợp phải tiêu hủy hàng hóa thì phải chịu toàn bộ chi phí cho việc tiêu hủy hàng hóa và chịu trách nhiệm về hậu quả của việc tiêu hủy hàng hóa theo quy định của pháp luật, theo quy định tại khoản 9, Điều 10 và Khoản 11, Khoản 12, Điều 12 Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa. Đối với hàng nhập khẩu, người nhập khẩu có nghĩa vụ tái xuất hàng hóa nhập khẩu không phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật tương ứng hoặc tiêu chuẩn kỹ thuật bắt buộc áp dụng khi chưa được chuyển thành các quy chuẩn kỹ thuật;

- Bồi thường thiệt hại cho người bán hàng hoặc người tiêu dùng khi hàng hóa gây thiệt hại do lỗi của người sản xuất, người nhập khẩu không bảo đảm chất lượng hàng hóa và các nghĩa vụ liên quan khác của người sản xuất, người nhập khẩu theo quy định tại Điều 10, Điều 12 và Điều 61 Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

IV. Công bố hợp quy và đăng ký công bố hợp quy đối với sản phẩm, hàng hóa VLXD nhóm 2

1. Đối tượng sản phẩm, hàng hóa nhóm 2 phải công bố hợp quy

- Trong lĩnh vực VLXD, đến thời điểm hiện nay, các loại sản phẩm, hàng hóa có khả năng gây mất an toàn bao gồm 06 nhóm thuộc danh mục QCVN 16:2011/BXD và thép làm cốt bê tông thuộc QCVN 7:2011/BKHCN (là VLXD thuộc nhóm 2);

- Một số nguyên liệu đầu vào có tên trong QCVN 16:2011/BXD thường dùng để sản xuất VLXD (ví dụ xi măng, phụ gia hóa học cho bê tông ... là các nguyên liệu dùng để sản xuất bê tông thương phẩm) phải có chứng nhận hợp quy, công bố hợp quy và đăng ký bản công bố hợp quy theo quy định;

- Tiêu chuẩn kỹ thuật bắt buộc áp dụng hiện hành được viện dẫn trong QCVN 16:2011/BXD là các tiêu chuẩn quốc gia bao gồm nhiều chỉ tiêu chất lượng nhưng chỉ tiêu chất lượng làm căn cứ để kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa VLXD nhóm 2 phục vụ cho việc chứng nhận hợp quy và công bố hợp quy được Bộ Xây dựng giới hạn lại trong một số chỉ tiêu cụ thể (xem chi tiết trong QCVN 16:2011/BXD).

2. Trình tự thực hiện công bố hợp quy

Theo quy định tại Điều 13 Thông tư số 28/2012/TT-BKHHCN, việc công bố hợp quy của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh và nhập khẩu VLXD được thực hiện theo các bước sau:

- Bước 1: Đánh giá sự phù hợp đối tượng của công bố hợp quy với quy chuẩn kỹ thuật tương ứng (sau đây viết tắt là đánh giá hợp quy).

+ Việc đánh giá hợp quy có thể do tổ chức chứng nhận được chỉ định (bên thứ ba) hoặc do tổ chức, cá nhân công bố hợp quy (bên thứ nhất) thực hiện.

Việc đánh giá hợp quy được thực hiện theo phương thức đánh giá sự phù hợp quy định trong quy chuẩn kỹ thuật tương ứng.

Trường hợp sử dụng kết quả đánh giá sự phù hợp của tổ chức đánh giá sự phù hợp nước ngoài thì tổ chức đánh giá sự phù hợp nước ngoài phải được thừa nhận theo quy định của pháp luật hoặc được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền chỉ định;

+ Kết quả đánh giá hợp quy là căn cứ để tổ chức, cá nhân công bố hợp quy.

- Bước 2: Đăng ký công bố hợp quy tại cơ quan chuyên ngành do Bộ quản lý ngành, lĩnh vực và Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chỉ định (sau đây viết tắt là cơ quan chuyên ngành).

Theo đó, việc công bố hợp quy VLXD thuộc QCVN 16:2011/BXD của doanh nghiệp chỉ hoàn tất khi đã đăng ký bản công bố hợp quy tại Sở Xây dựng nơi doanh nghiệp đăng ký hoạt động (riêng thép làm cốt bê tông thuộc QCVN 7:2011/BKHHCN được đăng ký bản công bố hợp quy tại Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường và Chất lượng – Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu).

3. Các cơ quan cần liên hệ trong quá trình thực hiện công bố hợp quy và đăng ký công bố hợp quy

Để thực hiện chứng nhận hợp quy (trường hợp đánh giá hợp quy do tổ chức chứng nhận hợp quy được chỉ định (bên thứ ba) thực hiện), công bố hợp quy và đăng ký công bố hợp quy, doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh hoặc nhập khẩu cần liên hệ với các cơ quan sau:

a) Đối với doanh nghiệp sản xuất sản phẩm, hàng hóa VLXD nhóm 2:

- Tổ chức thử nghiệm và đánh giá sự phù hợp:

+ Trường hợp doanh nghiệp sản xuất tự đánh giá hợp quy (bên thứ nhất), đơn vị phải thực hiện việc thử nghiệm tại phòng thử nghiệm của tổ chức đánh giá sự phù hợp do Bộ Xây dựng chỉ định;

+ Trường hợp đánh giá hợp quy do bên thứ ba thực hiện, doanh nghiệp sản xuất chọn một tổ chức đánh giá sự phù hợp do Bộ Xây dựng chỉ định chứng nhận hợp quy. Danh sách tổ chức đánh giá sự phù hợp được Bộ Xây dựng chỉ định có đăng tải trên trang thông tin điện tử của Bộ Xây dựng theo địa chỉ <http://www.moc.gov.vn>.

- Sở Xây dựng nơi đơn vị đăng ký hoạt động sản xuất, kinh doanh: Sau khi có kết quả đánh giá hợp quy, doanh nghiệp tự công bố hợp quy theo mẫu do Bộ Khoa học và Công nghệ quy định và đăng ký công bố hợp quy:

+ Tổ chức, cá nhân có giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp hoặc giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh do Ủy ban nhân dân thành phố, huyện thuộc tỉnh cấp liên hệ đăng ký công bố hợp quy sản phẩm, hàng hóa VLXD nhóm 2 do đơn vị sản xuất tại Sở Xây dựng tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;

+ Tổ chức, cá nhân có giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh do các tỉnh cấp thi liên hệ đăng ký công bố hợp quy sản phẩm, hàng hóa VLXD nhóm 2 do đơn vị sản xuất tại Sở Xây dựng tỉnh đó.

- Công ty in ấn để in dấu hợp quy: Doanh nghiệp có trách nhiệm tự in dấu hợp quy theo mẫu do tổ chức đánh giá sự phù hợp cấp (trường hợp đánh giá hợp quy do bên thứ ba thực hiện) hoặc theo mẫu tại Thông tư số 28/2012/TT-BKH-CN của Bộ Khoa học và Công nghệ (trường hợp doanh nghiệp tự đánh giá) trước khi đưa sản phẩm, hàng hóa lưu thông trên thị trường.

- Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh sản phẩm, hàng hóa VLXD trong nước mà doanh nghiệp mua nguyên liệu dùng để sản xuất: Doanh nghiệp phải yêu cầu các tổ chức, cá nhân nêu trên cung cấp tài liệu công bố tiêu chuẩn áp dụng theo quy định. Trường hợp nguyên liệu là sản phẩm, hàng hóa VLXD nhóm 2 (nguyên liệu sản xuất bê tông thương phẩm là xi măng và phụ gia hóa học cho bê tông), doanh nghiệp phải yêu cầu các tổ chức, cá nhân nêu trên cung cấp bổ sung bản công bố hợp quy và Thông báo tiếp nhận hồ sơ công bố hợp quy của Sở Xây dựng nơi tổ chức, cá nhân nêu trên đăng ký hoạt động sản xuất, kinh doanh để xác định nguồn gốc, đảm bảo chất lượng và điều kiện được phép lưu thông của nguyên liệu sử dụng, theo quy định tại Điều 26 Nghị định số 15/2013/NĐ-CP ngày 06/02/2013 của Chính phủ.

b) Đối với doanh nghiệp nhập khẩu sản phẩm, hàng hóa VLXD nhóm 2:

Doanh nghiệp nhập khẩu sản phẩm, hàng hóa VLXD nhóm 2 cần liên hệ các cơ quan sau:

- Tổ chức sản xuất sản phẩm, hàng hóa tại nước ngoài. Vì theo quy định của QCVN 16:2011/BXD, nhà sản xuất sản phẩm VLXD nhóm 2 (bao gồm xi măng, phụ gia cho bê tông) ở nước ngoài phải có xác nhận đạt chứng chỉ hệ thống quản lý chất lượng theo ISO 9001:2008 (theo văn bản số 448/BXD-KHCN ngày 26/3/2012 của Bộ Xây dựng, tạm thời chưa yêu cầu cần phải có chứng chỉ hệ thống quản lý môi trường phù hợp với ISO 14001:2004 của nhà sản xuất ở nước ngoài);

- Cơ quan hải quan tại cửa khẩu: Thực hiện thủ tục hải quan để nhập khẩu hàng hóa theo quy định pháp luật;

- Tổ chức thử nghiệm và đánh giá sự phù hợp; Sở Xây dựng nơi đơn vị đăng ký hoạt động sản xuất, kinh doanh và công ty in ấn dấu hợp quy: Thực hiện tương tự như đối với doanh nghiệp sản xuất trong nước tại điểm a mục này.

c) Doanh nghiệp kinh doanh sản phẩm, hàng hóa nhóm 2 mà không sản xuất, không nhập khẩu:

Các doanh nghiệp chỉ kinh doanh sản phẩm, hàng hóa nhóm 2 mà không sản xuất, không nhập khẩu thì phải yêu cầu các tổ chức, cá nhân sản xuất hoặc nhập khẩu cung cấp các tài liệu liên quan đến bản công bố hợp quy và Thông báo tiếp nhận hồ sơ công bố hợp quy của Sở Xây dựng nơi tổ chức, cá nhân sản xuất hoặc nhập khẩu đăng ký hoạt động sản xuất, kinh doanh và lưu trữ tài liệu theo quy định.

4. Tổ chức đánh giá sự phù hợp được Bộ Xây dựng chỉ định

Căn cứ sự đáp ứng các yêu cầu về hệ thống quản lý và năng lực của các phòng thí nghiệm theo quy định tại Thông tư số 21/2010/TT-BXD và QCVN 16:2011/BXD, Bộ Xây dựng đã ban hành quyết định chỉ định các tổ chức chứng nhận hợp quy sản phẩm, hàng hóa VLXD. Hiện nay, trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu chưa có tổ chức, đơn vị nào có chức năng chứng nhận hợp quy sản phẩm, hàng hóa VLXD, Sở Xây dựng giới thiệu một số đơn vị chứng nhận hợp quy sản phẩm, hàng hóa VLXD thuộc khu vực phía Nam, gồm:

a) Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 3 - Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng - Bộ Khoa học và Công nghệ (theo Quyết định chỉ định số 1161/QĐ-BXD ngày 30/12/2011 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng). Địa chỉ số 49 đường Pasteur, Quận 1, TP Hồ Chí Minh.

Các nhóm sản phẩm, hàng hóa VLXD được chỉ định chứng nhận: Cả 06 nhóm của QCVN 16:2011/BXD.

b) Viện Vật liệu Xây dựng - Bộ Xây dựng (theo Quyết định chỉ định số 1066/QĐ-BXD ngày 20/12/2011 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng). Địa chỉ tại thành phố Hồ Chí Minh: Số 129A đường Trần Nãi, Quận 2, TP Hồ Chí Minh (hoặc tại trụ sở chính: Số 235, đường Nguyễn Trãi, quận Thanh Xuân, Hà Nội).

Các nhóm sản phẩm, hàng hóa VLXD được chỉ định chứng nhận: Cả 06 nhóm của QCVN 16:2011/BXD.

c) Công ty Cổ phần Tư vấn Công nghệ thiết bị và Kiểm định Xây dựng :- CONINCO (theo Quyết định chỉ định số 1065/QĐ-BXD ngày 20/12/2011 và số 1031/QĐ-BXD ngày 13/11/2012 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng). Địa chỉ tại thành phố Hồ Chí Minh: Số 34, Đường Phở Quang, Quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh (hoặc tại trụ sở chính: Số 4, Phố Tôn Thất Tùng, quận Đống Đa, Hà Nội).

Các nhóm sản phẩm, hàng hóa VLXD được chỉ định chứng nhận: Kính xây dựng và gạch gốm ốp lát.

d) Trung tâm Chứng nhận sự phù hợp - Quacert (theo Quyết định chỉ định số 445/QĐ-BXD ngày 17/5/2012 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng). Địa chỉ tại thành phố Hồ Chí Minh: Số 40 Nguyễn Hiền Lê, P.13, Q. Tân Bình, TP Hồ Chí Minh (hoặc tại trụ sở chính: Số 8 Hoàng Quốc Việt, Cầu Giấy, Hà Nội).

Các nhóm sản phẩm, hàng hóa VLXD được chỉ định chứng nhận bao gồm:

- Nhóm clanhke xi măng và xi măng: Clanhke xi măng poóc lăng thương phẩm, xi măng poóc lăng, xi măng poóc lăng hỗn hợp, xi măng poóc lăng trắng, xi măng Alumin, xi măng poóc lăng bền sun phát, xi măng poóc lăng hỗn hợp bền sun

phát, xi măng poóc lăng xi lò cao, xi măng xây trát, xi măng nờ, xi măng đóng rắn nhanh;

- Nhóm phụ gia cho xi măng và bê tông: Phụ gia khoáng cho xi măng, xi hạt lò cao dùng để sản xuất xi măng, phụ gia công nghệ cho xi măng, phụ gia khoáng hoạt tính dạng tự nhiên và nhân tạo, phụ gia đầy cho bê tông, phụ gia hóa học cho bê tông.

5. Thành phần hồ sơ đăng ký bán công bố hợp quy tại Sở Xây dựng và lệ phí

a) Thành phần hồ sơ đăng ký bán công bố hợp quy tại Sở Xây dựng:

Theo quy định tại Điều 14 Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN ngày 12/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ, thành phần hồ sơ như sau:

(1) Trường hợp công bố hợp quy dựa trên kết quả chứng nhận hợp quy của tổ chức chứng nhận (bên thứ ba):

- Bản công bố hợp quy (theo Mẫu 2. CBHC/HQ quy định tại Phụ lục III – Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN);

- Bản sao y bản chính giấy tờ chứng minh về việc thực hiện sản xuất, kinh doanh của tổ chức, cá nhân công bố hợp quy (Giấy đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy đăng ký kinh doanh hoặc Đăng ký hộ kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đầu tư hoặc Quyết định thành lập hoặc Giấy tờ khác theo quy định của pháp luật);

- Bản sao y bản chính giấy chứng nhận phù hợp quy chuẩn kỹ thuật tương ứng do tổ chức chứng nhận được chỉ định cấp kèm theo mẫu dấu hợp quy của tổ chức chứng nhận được chỉ định cấp cho tổ chức, cá nhân.

Trong quá trình xem xét hồ sơ, nếu cần thiết sẽ xem xét, đối chiếu với bản gốc hoặc yêu cầu bổ sung bản sao có công chứng.

(2) Trường hợp công bố hợp quy dựa trên kết quả tự đánh giá của tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu (bên thứ nhất):

- Bản công bố hợp quy (theo Mẫu 2. CBHC/HQ quy định tại Phụ lục III Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN ngày 12/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ);

- Bản sao y bản chính giấy tờ chứng minh về việc thực hiện sản xuất, kinh doanh của tổ chức, cá nhân công bố hợp quy (Giấy đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy đăng ký kinh doanh hoặc đăng ký hộ kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đầu tư hoặc Quyết định thành lập hoặc Giấy tờ khác theo quy định của pháp luật);

- Trường hợp tổ chức, cá nhân công bố hợp quy chưa được tổ chức chứng nhận đã đăng ký cấp giấy chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn về hệ thống quản lý (ISO 9001, ISO 22000, HACCP...), thì hồ sơ công bố hợp quy của tổ chức, cá nhân phải có quy trình sản xuất kèm theo kế hoạch kiểm soát chất lượng được xây dựng, áp dụng (theo Mẫu 1. KHKSCS quy định tại Phụ lục III Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN ngày 12/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ) và kế hoạch giám sát hệ thống quản lý;

- Trường hợp tổ chức, cá nhân công bố hợp quy được tổ chức chứng nhận đã đăng ký cấp giấy chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn về hệ thống quản lý (ISO 9001, ISO 22000, HACCP...), thì hồ sơ công bố hợp quy của tổ chức, cá nhân phải có bản sao y bản chính giấy chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn về hệ thống quản lý còn hiệu lực;

- Bản sao y bản chính Phiếu kết quả thử nghiệm mẫu trong vòng 12 tháng tính đến thời điểm nộp hồ sơ công bố hợp quy của tổ chức thử nghiệm đã đăng ký;

- Báo cáo đánh giá hợp quy (theo Mẫu 5. BCĐG quy định tại Phụ lục III Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN ngày 12/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ) kèm theo mẫu dấu hợp quy và các tài liệu có liên quan.

Trong quá trình xem xét hồ sơ, nếu cần thiết sẽ xem xét, đối chiếu với bản gốc hoặc yêu cầu bổ sung bản sao có công chứng.

b) Lệ phí đăng ký: 150.000 đồng (theo quy định tại Thông tư số 231/2009/TT-BTC ngày 09/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính).

6. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân công bố hợp quy

Theo quy định tại Điều 16 Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN ngày 12/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ, sau khi công bố hợp quy, các tổ chức, cá nhân có trách nhiệm thực hiện các công việc sau:

- Thông báo trên các phương tiện thông tin thích hợp về việc công bố hợp quy của mình đảm bảo người sử dụng sản phẩm, hàng hóa đó dễ dàng tiếp cận;

- Duy trì liên tục và chịu trách nhiệm về sự phù hợp của các sản phẩm, hàng hóa đã công bố hợp quy; duy trì việc kiểm soát chất lượng, thử nghiệm và giám sát định kỳ;

- Sử dụng dấu hợp quy đối với sản phẩm, hàng hóa đã được công bố hợp quy theo quy định tại Khoản 2, Điều 4 của Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN ngày 12/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ trước khi đưa ra lưu thông trên thị trường. Lập sổ theo dõi và định kỳ hàng năm báo cáo việc sử dụng dấu hợp quy cho tổ chức chứng nhận được chỉ định;

- Khi phát hiện sự không phù hợp của sản phẩm, hàng hóa đã công bố hợp quy trong quá trình lưu thông hoặc sử dụng, tổ chức, cá nhân phải:

+ Kịp thời thông báo bằng văn bản về sự không phù hợp với cơ quan chuyên ngành;

+ Tạm ngừng việc xuất xưởng và tiến hành thu hồi các sản phẩm, hàng hóa không phù hợp đang lưu thông trên thị trường trong trường hợp sản phẩm, hàng hóa không phù hợp có rủi ro cao gây mất an toàn cho người sử dụng; ngừng vận hành, khai thác các quá trình, dịch vụ, môi trường liên quan khi cần thiết;

+ Tiến hành các biện pháp khắc phục sự không phù hợp;

+ Thông báo bằng văn bản cho cơ quan chuyên ngành về kết quả khắc phục sự không phù hợp trước khi tiếp tục đưa các sản phẩm, hàng hóa vào sử dụng, lưu thông, khai thác, kinh doanh.

- Lập và lưu giữ hồ sơ công bố hợp quy làm cơ sở cho việc kiểm tra, thanh tra của cơ quan quản lý nhà nước như sau:

+ Trường hợp công bố hợp quy dựa trên kết quả chứng nhận hợp quy của tổ chức chứng nhận được chỉ định (bên thứ ba), lưu giữ hồ sơ công bố hợp quy bao gồm các bản chính, bản sao các giấy tờ theo quy định và hồ sơ đánh giá giám sát của tổ chức chứng nhận được chỉ định;

+ Trường hợp công bố hợp quy dựa trên kết quả tự đánh giá của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh (bên thứ nhất), lưu giữ hồ sơ công bố hợp quy bao gồm các bản chính, bản sao các giấy tờ theo quy định và hồ sơ tự đánh giá giám sát của tổ chức, cá nhân theo kế hoạch giám sát.

- Cung cấp tài liệu chứng minh việc đảm bảo sự phù hợp của sản phẩm, hàng hóa với quy chuẩn kỹ thuật tương ứng khi có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

- Cung cấp bản sao y bản chính giấy chứng nhận hợp quy, Thông báo tiếp nhận hồ sơ công bố hợp quy cho tổ chức, cá nhân kinh doanh sản phẩm, hàng hóa;

- Thực hiện việc công bố lại khi có bất kỳ sự thay đổi nào về nội dung của hồ sơ công bố hợp quy đã đăng ký hoặc có bất kỳ sự thay đổi nào về tính năng, công dụng, đặc điểm của sản phẩm, hàng hóa đã công bố hợp quy.

Ngoài ra, các tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu sản phẩm, hàng hóa VLXD nhóm 2 còn có các nghĩa vụ khác liên quan đến chất lượng sản phẩm, hàng hóa do đơn vị sản xuất, nhập khẩu tương tự như nghĩa vụ của các tổ chức, cá nhân sau khi công bố tiêu chuẩn áp dụng.

VI. Nội dung cụ thể về quản lý chất lượng hàng hóa VLXD trong quá trình sử dụng trong công trình xây dựng

1. Kiểm tra vật liệu trước khi sử dụng vào công trình

a) Nguyên tắc:

- Công tác kiểm tra, giám sát và nghiệm thu chất lượng vật liệu trong thi công là hoạt động chính của công tác quản lý chất lượng công trình xây dựng;

- Nhà thầu thi công xây dựng công trình phải có hệ thống quản lý chất lượng để thực hiện nội dung quản lý chất lượng thi công xây dựng công trình;

- Chủ đầu tư phải tổ chức:

+ Lập và phê duyệt chi dẫn kỹ thuật ;

+ Giám sát thi công xây dựng công trình ;

+ Nghiệm thu công trình xây dựng theo quy định.

- Nhà thầu thiết kế xây dựng công trình thực hiện giám sát tác giả theo quy định.

b) Các bước kiểm tra, giám sát:

(1) Giai đoạn sau khi thương thảo hợp đồng:

- Kiểm tra danh mục, quy cách, chủng loại và tính năng của vật liệu, cấu kiện, sản phẩm xây dựng, thiết bị sẽ sử dụng trong công trình do nhà thầu thi công xây dựng thiết lập.

- Sau khi nhà thầu xây dựng thương thảo hợp đồng với chủ đầu tư, chủng loại vật liệu đã được xác định thì nhà thầu xây dựng phải chọn lựa người cung ứng có năng lực và uy tín để thỏa thuận giao dịch với điều kiện về số lượng, chủng loại, phương thức giao hàng và các quy định đính kèm để bảo đảm chất lượng VLXD đủ tiêu chuẩn theo yêu cầu kỹ thuật. Nhà thầu thi công phải yêu cầu người kinh doanh VLXD cung cấp các hồ sơ, chứng từ và thông tin liên quan đến VLXD được đưa đến công trường.

- Tất cả hàng hóa vật liệu cung ứng đưa vào công trình phải có các chỉ tiêu chất lượng đáp ứng với yêu cầu của công tác. Trước khi đưa vật tư, thiết bị vào lắp đặt trong công trình, nhà thầu phải đưa mẫu vật liệu kèm các chỉ tiêu cho chủ đầu tư hoặc người được chủ đầu tư giao nhiệm vụ (tư vấn giám sát) ký duyệt vào mẫu vật liệu này cũng như các chỉ tiêu phải lưu trữ tại nơi làm việc của chủ đầu tư ở công trường. Chỉ tiêu kỹ thuật (tính năng) cần được in thành văn bản như là chứng chỉ xuất xưởng của nhà cung ứng và thường yêu cầu là bản in chính thức của nhà cung ứng; khi dùng bản sao thì đại diện nhà cung ứng phải ký xác nhận, có dấu đóng xác nhận có sự chấp thuận của chủ đầu tư bằng văn bản; mọi sự thay đổi trong quá trình thi công cần được chủ đầu tư duyệt lại trên cơ sở xem xét của tư vấn bảo đảm chất lượng. Nhà cung ứng vật liệu và nhà thầu phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về sự bảo đảm chất lượng của hàng hóa vật liệu mà mình cung cấp có các chỉ tiêu đạt yêu cầu kỹ thuật và phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về hồ sơ chất lượng của sản phẩm này theo quy định của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật; Luật Chất lượng, sản phẩm, hàng hóa.

- Cán bộ kỹ thuật được chủ đầu tư giao nhiệm vụ kiểm tra, giám sát chất lượng là người có trách nhiệm duy nhất giúp chủ đầu tư kết luận rằng sản phẩm do nhà thầu cung ứng là các loại vật liệu phù hợp có chỉ tiêu chất lượng phù hợp với yêu cầu tại hồ sơ của tư vấn thiết kế, phù hợp với hồ sơ khi thương thảo hợp đồng; cán bộ kỹ thuật này thay mặt chủ đầu tư trong việc đề xuất chấp nhận sử dụng chủng loại vật tư phù hợp với thiết kế, đạt tiêu chuẩn kỹ thuật, các tài liệu về chất lượng được nhà thầu thi công và người cung ứng cung cấp đủ trước khi lập phiếu chấp thuận đưa vật tư vào sử dụng trong công trình.

- Nhà thầu thi công phải xem xét các chủng loại vật liệu nào thuộc danh mục hàng hóa nhóm 2 để có thể yêu cầu người cung ứng cung cấp các tài liệu liên quan đến loại vật liệu này để chứng minh rằng sản phẩm, hàng hóa đạt chất lượng trước khi lưu thông trên thị trường;

(2) Giai đoạn tổ chức thi công:

- Chủ đầu tư kiểm tra chất lượng VLXD trước khi lắp đặt vào công trình; Chủ đầu tư, tư vấn giám sát phải kiểm soát chất lượng vật tư, vật liệu, cấu kiện, sản phẩm xây dựng, thiết bị công trình và thiết bị công nghệ được sử dụng, lắp đặt vào công trình phải phù hợp tiêu chuẩn theo yêu cầu quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật áp dụng cho công trình và yêu cầu thiết kế kỹ thuật; đồng thời các loại vật tư, vật liệu... này phải đạt tiêu chuẩn kỹ thuật phù hợp với tiêu chuẩn nhà sản xuất đã công bố áp dụng; các loại vật tư, vật liệu... phải phù hợp với chủng loại vật tư khi được chủ đầu tư thương thảo hợp đồng với đơn vị thi công; mọi việc thay đổi chủng loại vật tư phải được sự chấp thuận của chủ đầu tư và đơn vị thụ hưởng bằng văn bản cụ thể;

- Những vật tư, vật liệu... phải được nhà sản xuất công bố tiêu chuẩn kỹ thuật áp dụng phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật quốc gia;

- Chủ đầu tư kiểm tra các thông tin chung về sản phẩm, hàng hóa VLXD, xuất xứ hàng hóa được sử dụng trong công trình xây dựng (vật liệu phải có nguồn gốc, thể hiện đơn vị, địa chỉ của nhà sản xuất, kèm tên quốc gia hay vùng lãnh thổ sản xuất ra loại vật liệu đó).

Hình thức kiểm tra sự phù hợp về chất lượng được phân thành 02 trường hợp như sau:

(2.1) Đối với các sản phẩm được sản xuất công nghiệp và đã là hàng hóa trên thị trường:

Chủ đầu tư và bên mua sản phẩm kiểm tra:

- Nhãn mác hàng hóa theo quy định tại Nghị định số 89/2006/NĐ-CP ngày 30/08/2006 của Chính phủ. Nội dung bắt buộc phải thể hiện trên nhãn hàng hóa VLXD được quy định tại Điều 11, Khoản 45, Điều 12 Nghị định số 89/2006/NĐ-CP:

- + Tên hàng hóa;
- + Tên và địa chỉ của tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm về hàng hóa;
- + Xuất xứ hàng hóa;
- + Định lượng;
- + Thông số kỹ thuật;
- + Tháng sản xuất;
- + Hướng dẫn sử dụng, hướng dẫn bảo quản.

Đối với một số loại VLXD (gạch, ngói, vôi, cát, đá, sỏi, xi măng, đất màu, vữa, hỗn hợp bê tông thương phẩm) không có bao bì và bán trực tiếp theo thỏa thuận với người tiêu dùng thì không bắt buộc ghi nhãn. Tuy nhiên, cần xác định rõ nguồn gốc xuất xứ hợp pháp của các loại VLXD này (chứng chỉ xuất xứ, chất lượng kèm theo). Đặc biệt đối với các loại VLXD là khoáng sản, cần có giấy phép khai thác, chế biến khoáng sản của cơ quan có thẩm quyền cấp.

- Công bố sự phù hợp về chất lượng của nhà sản xuất, nhà nhập khẩu:

+ Công bố tiêu chuẩn áp dụng (đối với tất cả các loại VLXD) theo quy định tại khoản 1, Điều 23 Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa;

+ Công bố hợp quy (đối với VLXD nhóm 2) theo quy định tại quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng và thông báo tiếp nhận hồ sơ công bố hợp quy của cơ quan chuyên ngành do Bộ quản lý ngành, lĩnh vực và Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chỉ định theo quy định tại Điều 14 Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN ngày 12/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ;

+ Công bố hợp chuẩn và thông báo tiếp nhận hồ sơ công bố công bố hợp chuẩn của Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường chất lượng (nếu có), theo quy định tại Điều 9 Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN ngày 12/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.

- Chứng nhận hợp quy của tổ chức chứng nhận được cơ quan có thẩm quyền chỉ định (đối với VLXD nhóm 2) theo quy định tại quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng;

- Dấu hợp quy (đối với VLXD nhóm 2);

- Chứng nhận hợp chuẩn (nếu có);

- Chủ đầu tư hoặc bên mua có thể tiến hành kiểm tra cơ sở sản xuất hàng hóa hoặc yêu cầu thí nghiệm kiểm chứng, kiểm định chất lượng hàng hóa khi cần thiết theo thỏa thuận trong hợp đồng. Cơ sở sản xuất, cung ứng hàng hóa, sản phẩm có trách nhiệm cung cấp các chứng chỉ, chứng nhận và các giấy tờ khác có liên quan theo quy định cho bên mua nhằm chứng minh xuất xứ hàng hóa và chất lượng hàng hóa.

(2.2) Đối với các sản phẩm được sản xuất, chế tạo riêng cho công trình xây dựng theo yêu cầu của thiết kế:

- Trường hợp sản phẩm được sản xuất, chế tạo tại các cơ sở sản xuất công nghiệp thì chủ đầu tư hoặc bên mua kiểm tra chất lượng như đối với các sản phẩm được sản xuất công nghiệp và đã là hàng hóa trên thị trường, kết hợp với việc kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất trong quá trình sản xuất;

- Trường hợp sản phẩm được sản xuất, chế tạo trực tiếp tại công trường, chủ đầu tư hoặc tổng thầu tổ chức kiểm tra giám sát công tác sản xuất, chế tạo như các công việc xây dựng khác theo quy định tại Nghị định số 15/2013/NĐ-CP ngày 06/02/2013 của Chính phủ.

(2.3) Đối với các VLXD được khai thác tại mỏ:

Chủ đầu tư và nhà thầu cung ứng vật liệu tổ chức điều tra khảo sát chất lượng và trữ lượng của mỏ theo yêu cầu của thiết kế, quy chuẩn và các tiêu chuẩn kỹ thuật có liên quan; kiểm tra định kỳ, đột xuất trong quá trình khai thác;

(2.4) Các bên có liên quan phải thực hiện thí nghiệm, kiểm định chất lượng sản phẩm theo yêu cầu của thiết kế, quy chuẩn và tiêu chuẩn kỹ thuật áp dụng cho công trình. Phòng thí nghiệm phải là phòng thí nghiệm hợp chuẩn được cơ quan có thẩm quyền công nhận. Chủ đầu tư nên yêu cầu phòng thí nghiệm cung cấp cả quyết định công nhận phòng thí nghiệm hợp chuẩn của cơ quan có thẩm quyền để có cơ sở xác định chính xác về việc phòng thí nghiệm này có năng lực thực hiện phép thử phù hợp với yêu cầu của chủ đầu tư và tư vấn thiết kế.

2. Giai đoạn hoàn thành xây dựng công trình

- Kiểm tra, tập hợp toàn bộ hồ sơ pháp lý và tài liệu quản lý chất lượng đối với công trình;

- Nhiệm vụ của tư vấn giám sát là phải có ý kiến và kết luận cho mỗi đợt tiếp nhận vật liệu, xem xét tính pháp lý của hồ sơ đính kèm. Thực tế hiện nay, các văn bản xác nhận chấp thuận chất lượng vật liệu ghi rất chung chung, thiếu các thông tin cần thiết. Tất cả những hồ sơ này đóng thành tập theo trình tự thi công để thuận tiện khi tra cứu;

- Các ý kiến của những tổ chức, cá nhân liên quan đến công tác thi công khi có ý kiến về việc thay đổi chủng loại, mẫu mã vật liệu, những ý kiến đề nghị, đề xuất sử dụng và ý kiến giải quyết của tư vấn, ý kiến của tư vấn giám sát, của nhà thầu... Tất cả những hồ sơ này dùng làm cơ sở cho việc thanh toán khối lượng hoàn thành và cơ sở để lập biên bản tổng nghiệm thu, bàn giao công trình cho sử dụng.

Tư vấn giám sát là người thay mặt chủ đầu tư chịu trách nhiệm bảo đảm chất lượng vật liệu, phải thường xuyên, liên tục có mặt tại công trường để chứng kiến quá trình thi công và quá trình kiểm tra của nhà thầu thi công. Trong trường hợp có nghi ngờ, tư vấn giám sát yêu cầu nhà thầu thi công thuê đơn vị thử nghiệm có phòng thí nghiệm hợp chuẩn theo quy định để tiến hành thử nghiệm kiểm tra các chỉ tiêu kỹ thuật của vật liệu và phòng thí nghiệm có nghĩa vụ thông báo kết quả kiểm tra cho tư vấn giám sát và nhà thầu thi công để tư vấn kết luận việc vật liệu này đạt hay không đạt yêu cầu kỹ thuật theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất công bố. Để tránh tranh chấp, tư vấn giám sát không nên trực tiếp kiểm tra mà chỉ nên chứng kiến sự kiểm tra của nhà thầu và tiếp nhận số liệu để quyết định chấp nhận hay không chấp nhận chất lượng loại

vật liệu đang đưa vào công trường. Trong quá trình kiểm tra, nếu phát hiện những vi phạm về quy trình của đơn vị thử nghiệm hoặc năng lực thiết bị, nhân sự, tư vấn giám sát sẽ lập biên bản và đề nghị chỉ định thay thế đơn vị thử nghiệm và nhà thầu phải thực hiện yêu cầu này.

3. Nghiệm thu vật tư, vật liệu trước khi đưa vào sử dụng

Thực hiện theo quy định tại Khoản 5, Điều 16 và Điều 20 Thông tư số 10/2013/TT-BXD ngày 25/7/2013 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng:

VII. Hướng dẫn lựa chọn phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng có đủ năng lực theo quy định để thực hiện thí nghiệm kiểm tra chất lượng VLXD

1. Các vấn đề cần lưu ý khi lựa chọn phòng thí nghiệm và đánh giá sự phù hợp của kết quả thí nghiệm

Để lựa chọn phòng thí nghiệm hợp chuẩn có đầy đủ năng lực theo quy định và kiểm soát sự phù hợp của các kết quả thử nghiệm do phòng thí nghiệm cấp so với các yêu cầu của công trình, chủ đầu tư và các đơn vị liên quan cần lưu ý các nội dung sau:

a) Kiểm tra sự phù hợp của các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật được chỉ định áp dụng cho công trình:

Chủ đầu tư phải có năng lực xác định sự phù hợp của các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật được tư vấn thiết kế chỉ định áp dụng cho công trình, làm căn cứ yêu cầu thử nghiệm chất lượng VLXD.

Theo quy định tại Thông tư số 18/2010/TT-BXD ngày 15/10/2010 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng:

- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia liên quan đến sản xuất, xuất nhập khẩu và lưu thông sản phẩm hàng hóa VLXD là bắt buộc áp dụng trong các hoạt động xây dựng;

- Tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn cơ sở, tiêu chuẩn xây dựng nước ngoài được áp dụng trong hoạt động xây dựng theo nguyên tắc tự nguyện, ngoại trừ các tiêu chuẩn được trích dẫn trong quy chuẩn hoặc văn bản quy phạm pháp luật;

- Việc áp dụng tiêu chuẩn phải đảm bảo các yêu cầu sau:

+ Đảm bảo tính đồng bộ và tính khả thi của hệ thống các tiêu chuẩn được áp dụng cho dự án trong toàn bộ quá trình khảo sát, thí nghiệm, thiết kế, sản xuất và chế tạo, thi công và nghiệm thu công trình xây dựng;

+ Phải phù hợp với các yêu cầu của quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về xây dựng và các lĩnh vực khác có liên quan theo quy định của pháp luật;

+ Trong trường hợp chưa có quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, tiêu chuẩn cơ sở, tiêu chuẩn xây dựng nước ngoài phải phù hợp với yêu cầu được nêu trong các tiêu chuẩn quốc gia bắt buộc áp dụng do các bộ, ngành quy định;

+ Đối với dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn ngân sách nhà nước, ưu tiên sử dụng các tiêu chuẩn quốc gia;

+ Trong trường hợp chưa có tiêu chuẩn quốc gia, người quyết định đầu tư có thể xem xét, chấp thuận tiêu chuẩn nước ngoài. Đối với tiêu chuẩn hoặc hướng dẫn của nước ngoài, cần có:

* Toàn văn tiêu chuẩn hoặc hướng dẫn dưới dạng bản mềm (files) hoặc bản in, kèm theo bản dịch tiếng Việt hoặc tiếng Anh cho phần nội dung sử dụng;

* Thuyết minh sự đáp ứng của các tiêu chuẩn so với các yêu cầu đã nêu tại khoản 2 và 3 Điều 3 - Thông tư số 18/2010/TT-BXD. Đối với các chỉ dẫn kỹ thuật (technical guidelines) hoặc các tài liệu hướng dẫn (recommendations) của các tổ chức nước ngoài cho các giải pháp công nghệ mới khi chưa được ban hành thành các tiêu chuẩn, cần phải giải trình về: tên giải pháp kỹ thuật - công nghệ; các kết quả nghiên cứu và thực nghiệm; các công trình đã áp dụng các chỉ dẫn kỹ thuật hoặc tài liệu hướng dẫn; bản quyền tác giả về giải pháp kỹ thuật - công nghệ; tính khả thi trong điều kiện kinh tế - kỹ thuật và công nghệ của Việt Nam.

+ Khuyến khích áp dụng tiêu chuẩn với phiên bản mới nhất.

+ Phải được người quyết định đầu tư xem xét, lựa chọn và chấp thuận trong dự án đầu tư xây dựng công trình.

Tổ chức thử nghiệm chỉ chịu trách nhiệm thí nghiệm chất lượng VLXD theo tiêu chuẩn phương pháp thử được chủ đầu tư ấn định trước. Do đó, điều kiện tiên quyết là quy chuẩn, tiêu chuẩn theo yêu cầu của dự án phải phù hợp với quy định và điều kiện kỹ thuật thực tế của công trình, được xác định ở giai đoạn đầu khi lập thiết kế.

b) Lựa chọn phòng thí nghiệm hợp chuẩn có năng lực:

Chủ đầu tư cần yêu cầu phòng thí nghiệm cung cấp các hồ sơ năng lực cơ bản như sau:

- Quyết định công nhận năng lực phòng thí nghiệm với mã số LAS-XD của Bộ Xây dựng; Chủ đầu tư phải kiểm tra, đối chiếu thông tin phòng thí nghiệm đã được cơ quan có thẩm quyền công nhận về năng lực; có thể kiểm tra thông tin trên website Bộ Xây dựng theo địa chỉ <http://www.xaydung.gov.vn> (gõ tên phòng thí nghiệm vào mục Tìm kiếm). Nội dung quan trọng là kiểm tra sự phù hợp của nhu cầu thử nghiệm với các phép thử đã được công nhận;

- Quy trình khảo sát, lấy mẫu và thí nghiệm kiểm tra chất lượng của loại VLXD tương ứng hiện đang yêu cầu thử nghiệm, kèm theo các tiêu chuẩn phương pháp thử, các hướng dẫn kỹ thuật; Việc yêu cầu nội dung này nhằm hiểu rõ cách thức, quy trình thực hiện của phòng thí nghiệm so với quy định của tiêu chuẩn phương pháp thử và điều kiện thực tế của công trình;

- Danh sách thiết bị thí nghiệm sử dụng để thử nghiệm các chỉ tiêu chất lượng VLXD theo yêu cầu của chủ đầu tư, kèm theo chứng chỉ kiểm định hoặc hiệu chuẩn còn hiệu lực; danh sách thí nghiệm viên trực tiếp thực hiện thử nghiệm các chỉ tiêu chất lượng VLXD theo yêu cầu của chủ đầu tư, kèm theo chứng chỉ đào tạo nhân viên thí nghiệm cho loại VLXD đó của cơ quan có chức năng đào tạo do Bộ Xây dựng công bố; Việc yêu cầu nội dung này nhằm đảm bảo độ tin cậy của thao tác và kết quả thử nghiệm;

- Báo giá chi phí thử nghiệm để nhân viên xem xét, đối chiếu, so sánh chi phí giữa các bên có cùng năng lực.

Trong quá trình gửi mẫu thử nghiệm, chủ đầu tư phải tổ chức giám sát, chứng kiến việc thử nghiệm để đảm bảo tính chính xác và khách quan của kết quả do phòng thí nghiệm thực hiện.

c) Đánh giá sự phù hợp của các kết quả thử nghiệm do phòng thí nghiệm cấp so với các yêu cầu của công trình:

Theo quy định tại Thông tư số 10/2013/TT-BXD ngày 25/7/2013 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng, một trong các nội dung cơ bản và quan trọng nhất khi tổ chức nghiệm thu chất lượng VLXD đồng ý đưa vào sử dụng cho công trình là việc kiểm tra các kết quả thí nghiệm, đo lường, đánh giá sự phù hợp so với yêu cầu của thiết kế, quy chuẩn và tiêu chuẩn liên quan. Hiện nay, tại công trường, nội dung này thường chỉ được xem xét lướt qua, chủ yếu tin tưởng vào thương hiệu của các loại VLXD thông dụng trên thị trường và đồng ý nghiệm thu. Do đó, các chủ đầu tư phải quan tâm các vấn đề sau:

- Sự đầy đủ thông tin theo yêu cầu của phiếu kết quả thử nghiệm:

Theo quy định tại Khoản 7 Điều 6 Thông tư số 06/2011/TT-BXD ngày 21/6/2011 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng, phiếu kết quả thí nghiệm do phòng thí nghiệm thiết lập theo yêu cầu của các phép thử, nhưng phải có các thông tin và nội dung cơ bản sau:

- + Tên cơ sở quản lý phòng thí nghiệm;
- + Tên và địa chỉ phòng thí nghiệm, mã số LAS-XD (ghi theo quyết định công nhận);
- + Số hợp đồng kinh tế hoặc văn bản yêu cầu của đơn vị yêu cầu thí nghiệm;
- + Tên dự án/công trình/bạng mục công trình được khảo sát, lấy mẫu, thí nghiệm. Đối với các thí nghiệm phục vụ nghiên cứu/tự kiểm tra chất lượng của nhà sản xuất thì ghi rõ mục đích thí nghiệm;
- + Tên cán bộ giám sát của Chủ đầu tư trong quá trình lấy mẫu, thí nghiệm;
- + Loại mẫu thí nghiệm;
- + Tiêu chuẩn và thiết bị thí nghiệm;
- + Kết quả thí nghiệm;
- + Thời gian lập phiếu kết quả thí nghiệm;
- + Chữ ký của: Nhân viên thí nghiệm và trưởng phòng thí nghiệm;
- + Chữ ký của người có thẩm quyền và dấu pháp nhân của cơ sở quản lý phòng thí nghiệm.

Trường hợp nhận được phiếu kết quả thử nghiệm chưa đầy đủ các thông tin nêu trên, chủ đầu tư phải yêu cầu phòng thí nghiệm rà soát, kiểm tra lại để cung cấp kết quả cho đầy đủ theo quy định, đảm bảo tính hợp pháp và chính xác của kết quả thử nghiệm, là căn cứ để nghiệm thu VLXD đưa vào công trình.

Đối với một số loại VLXD đã là hàng hóa sản xuất công nghiệp được bán rộng rãi trên thị trường, một số chủ đầu tư không yêu cầu thử nghiệm lại và chấp thuận phiếu kết quả thử nghiệm do nhà sản xuất cung cấp theo lô sản phẩm, hàng hóa. Phiếu kết quả thử nghiệm này phải đảm bảo của phòng thí nghiệm hợp chuẩn, đầy đủ thông tin để đánh giá chất lượng sản phẩm, hàng hóa và trong vòng tối đa không quá 12 tháng (theo quy định tại Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN ngày 12/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ, việc đánh giá giám sát định kỳ tại nơi sản xuất được thực hiện tùy theo phương thức đánh giá sự phù hợp và tối đa tần suất đánh giá không quá 12 tháng/lần).

- Sự phù hợp về chất lượng VLXD so với thiết kế, quy chuẩn và tiêu chuẩn kỹ thuật:

Các sản phẩm, hàng hóa VLXD thuộc nhóm 2 bắt buộc phải đảm bảo các chỉ tiêu chất lượng theo quy định của quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng. Do đó, cán bộ phụ trách công tác nghiệm thu vật tư, vật liệu của chủ đầu tư phải theo dõi, giám sát quá trình lấy mẫu thử nghiệm tại công trường đảm bảo thao tác, quy trình, số lượng mẫu và tính đại diện cho lô sản phẩm, hàng hóa theo yêu cầu của tiêu chuẩn kỹ thuật bắt buộc áp dụng được viện dẫn trong quy chuẩn kỹ thuật quốc gia; đối chiếu, so sánh từng chỉ tiêu chất lượng theo kết quả thử nghiệm với yêu cầu của quy chuẩn kỹ thuật quốc gia để chấp thuận hoặc không chấp thuận nghiệm thu đưa vào sử dụng.

- Sự phù hợp về chất lượng VLXD so với tiêu chuẩn do người sản xuất, người nhập khẩu công bố áp dụng:

Theo quy định của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa, tất cả sản phẩm, hàng hóa (bao gồm VLXD) đều phải được người sản xuất, người nhập khẩu công bố tiêu chuẩn áp dụng và đảm bảo chất lượng so với nội dung đã công bố.

Do đó, chủ đầu tư phải tổ chức đối chiếu, so sánh từng chỉ tiêu chất lượng theo kết quả thử nghiệm với tiêu chuẩn do người sản xuất, người nhập khẩu công bố áp dụng, để chấp thuận hoặc không chấp thuận nghiệm thu đưa vào sử dụng.

VIII. Việc sử dụng vật liệu xây không nung (VLXKN) trong công trình xây dựng

Việc sử dụng VLXKN phải tuân thủ theo Thông tư số 09/2012/TT-BXD ngày 28/11/2012 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định sử dụng VLXKN trong các công trình xây dựng và chỉ đạo của UBND tỉnh tại văn bản số số 1973/UBND-VP ngày 29/3/2013 của UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu về việc triển khai thực hiện Thông tư số 09/2012/TT-BXD ngày 28/11/2012 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định sử dụng VLXKN trong các công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Sở Xây dựng hướng dẫn một số nội dung cơ bản nêu trên để các tổ chức, cá nhân hoạt động trong lĩnh vực xây dựng và VLXD tổ chức quản lý chất lượng, sử dụng VLXD trong công trình được hiệu quả và phù hợp với quy định hiện hành./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (b/c);
- Giám đốc SXD (b/c);
- Các sở: Công Thương, Giao thông vận tải; Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- UBND các huyện, thành phố;
- Thanh tra Sở XD (t/h);
- Lưu VT, Phòng GD, GDS



Tạ Quốc Trường